

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt;
2. Ông Danh Minh Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Ngọc L**, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp Tân Đ, xã Giục T, huyện Châu Th, tỉnh K G.

(Chị L có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh **Ngô Đình D**, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp Tân Đ, xã Giục T, huyện Châu Th, tỉnh K G.

(Anh D có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 25-02-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L trình bày:* Vào năm 2006, chị và anh Ngô Đình D quen biết và cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Định A, huyện Gò Q, tỉnh K G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21-07-2006.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với

nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình, cách sống. Anh D không quan tâm chăm sóc cho gia đình, trong cuộc sống hôn nhân anh D có đánh chị 03 lần, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh D nữa nên chị quyết định ly hôn với anh Ngô Đình D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh D có 01 người chung tên Ngô Quốc M, sinh ngày 31-3-2010, hiện nay con sống với vợ chồng chị.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Ngọc L yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Ngô Đình D.

- Về con chung: Đồng ý giao con chung tên Ngô Quốc M, sinh ngày 31-3-2010 cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 05-3-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Ngô Đình D trình bày: Anh D thống nhất về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị L trình bày, nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị L:

Anh D thừa nhận, vào năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình, cách sống. Anh D thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân anh có vài lần đánh chị L nhưng do lúc nóng giận không kiềm chế được bản thân và thời gian qua vì áp lực công việc, kinh tế gia đình nên anh không có thời gian quan tâm chăm sóc vợ con nên làm tình cảm vợ chồng bị phai nhạt nhưng anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị L nên xin hàn gắn để cùng nhau chăm sóc cho con đến khi trưởng thành.

Về con chung: Nếu chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh thì anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Ngô Quốc M, sinh ngày 31-3-2010 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 25-02-2020 chị Lê Thị Ngọc L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Ngô Đình D. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2006 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị L nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình, cách sống, anh D không quan tâm chăm sóc cho gia đình, trong cuộc sống hôn nhân anh D có đánh chị 03 lần, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng còn sống chung nhà nhưng cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, không ai quan tâm đến nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay và vấn đề này cũng được anh D thừa nhận, tuy nhiên anh D không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị L nên xin hàn gắn để cùng nhau chăm sóc cho con đến khi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L, anh D đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*".

Mặt khác, tại các phiên hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay, Toà án đã kiên trì hoà giải nhằm động viên anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng không kết quả, chị L xác định hiện nay không còn tình cảm với anh D và vẫn cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị L xin ly hôn anh D là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh D có 01 con chung tên Ngô Quốc M, sinh ngày 31-3-2010. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L và anh D thống nhất thỏa thuận giao cháu Minh cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Minh cũng có nguyện vọng được sống với anh D theo biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 05-3-2020. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của chị L và anh D phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu Minh, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho anh D về quyền yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu M cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng anh D xác định không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con và việc anh D không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[6] Về nợ chung: Chị L và anh D cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc L và anh Ngô Đình D.
2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị L và anh D là giao con chung Ngô Quốc M, sinh ngày 31-3-2010 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi

đưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu M). Anh D không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Ngọc L và anh Ngô Đình D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Ngọc L và anh Ngô Đình D cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002245 ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh K G; chị L không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành Pán được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Chị Lê Thị Ngọc L, anh Ngô Đình D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

